

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 333/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 giữa những người yêu cầu:

- Bà Lê Thị Anh N - sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHKT: 20 T, đường L, phường C, thành phố H. Hiện trú tại: Lô 10.B2.1 đường L, phường C 1, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Trương Quang C - sinh năm 1980.

Địa chỉ: 17/2 đường C, phường L, thành phố N, tỉnh Đ.

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tổ tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 02 tháng 11 năm 2017;

XÉT THẤY

- Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 02 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

- Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Bà **Lê Thị Anh N** - sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHKT: 20 T, đường L, phường C, thành phố H. Hiện trú tại: Lô 10.B2.1 đường L, phường C 1, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Ông **Trương Quang C** - sinh năm 1980.

Địa chỉ: 17/2 đường C, phường L, thành phố N, tỉnh Đ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Quang C và bà Lê Thị Anh N thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông Trương Quang C và bà Lê Thị Anh N thống nhất ông bà có hai con chung tên là:

+ Trương Ngọc Y; sinh ngày 30/6/2008

+ Trương Quang H; sinh ngày 15/07/2011

Ly hôn, ông C và bà N thống nhất bà Lê Thị Anh N sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung nêu trên và ông Trương Quang C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000đ/2 con (5.000.000đ/1 con) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Các bên vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung : Ông Trương Quang C và bà Lê Thị Anh N thống nhất vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Trương Quang C và bà Lê Thị Anh N thống nhất vợ chồng không có nợ chung.

- Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ ông C và bà N phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông bà đã nộp theo biên lai thu số 009844 ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông C và bà N đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự

- VKSNDQ. Hải Châu.

- CCTHADSQ. Hải Châu

-UBNDphường Lê Lợi;

- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà

